

Số: 23/NQ-HĐND

Quảng Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách nhà nước xã năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUẢNG THỌ
KHÓA XII, KỲ HỌP LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Điền về dự toán ngân sách nhà nước huyện năm 2024;

Sau khi nghe và xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2023, dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách và những biện pháp cơ bản nhằm thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua Báo cáo ước tình hình dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách và những biện pháp cơ bản nhằm thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2024 do Ủy ban nhân dân xã trình trước Hội đồng nhân dân xã. Dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024 như sau:

1. Tổng thu ngân sách xã:	9.282.000.000 đồng.
a) Thu cân đối ngân sách xã trên địa bàn:	9.252.000.000 đồng.
- Thu cố định tại chỗ:	332.000.000 đồng.
- Thu phân chia theo luật:	4.377.000.000 đồng.
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên:	4.440.000.000 đồng.
- Thu 10% cải cách tiền lương từ nguồn huy động tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024:	103.000.000 đồng.
b) Thu để lại cân đối chi qua ngân sách xã:	30.000.000 đồng.
<i>(Kèm theo phụ lục số 01)</i>	
2. Tổng chi ngân sách xã:	9.282.000.000 đồng.
a) Chi cân đối qua ngân sách xã:	9.252.000.000 đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	4.000.000.000 đồng.
- Chi thường xuyên:	5.099.000.000 đồng.
- Chi dự phòng phí:	153.000.000 đồng.
b) Chi khoản thu để lại cân đối qua ngân sách xã:	30.000.000 đồng.
<i>(Kèm theo phụ lục số 02)</i>	

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã nhấn mạnh một số giải pháp sau:

1. Ủy ban nhân dân xã tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách. Đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu, tích cực khai thác nguồn thu từ quỹ đất và các nguồn thu huy động đóng góp theo quy định và các nguồn thu phát sinh khác.

2. Chỉ đạo thực hiện chi ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách, ưu tiên bố trí vốn để thanh toán các công trình xây dựng cơ bản. Đảm bảo nguồn để chi lương và các hoạt động thường xuyên của Đảng, Chính quyền và các Đoàn thể; Chi các nhiệm vụ trọng tâm, chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội và có dự phòng để đáp ứng kịp thời khi thiên tai xảy ra.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bám sát nhiệm vụ chi đã được phân bổ để điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra, với phương châm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, thực hiện tốt công khai tài chính theo quy định.

Điều 3. Hội đồng nhân dân xã giao trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh dự toán Hội đồng nhân dân xã ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã căn cứ quy định của Luật ngân sách để giải quyết điều chỉnh, bổ sung và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã gần nhất.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Mặt trận, các Đoàn thể cấp xã tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước xã năm 2024.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa XII, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND và UBND huyện;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp xã;
- Các đơn vị, các thôn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bé

Phụ lục số 1: DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã)

DVT: Đồng

	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NS XÃ NĂM 2023	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024			SO SÁNH %	DT 2024 với DT 2023
			DT thu ngân sách huyện giao	Dự toán ngân sách xã giao	DT thu ngân sách xã hưởng	DT 2024 với DT huyện giao	
A	B	1	4		5	6=5/4 *100	7=4/ 1 *100
	Tổng thu NS (A+B)	4.954.000.000	8.679.000.000	15.282.000.000	9.282.000.000	107	187
A	Thu cân đối ngân sách xã: (I+II.+V)	4.924.000.000	8.649.000.000	15.252.000.000	9.252.000.000	107	188
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	260.000.000	332.000.000	332.000.000	332.000.000	100	128
1	Thu phí, lệ phí	100.000.000	92.000.000	92.000.000	92.000.000	100	92
-	Thu phí môn bài	27.000.000	27.000.000	27.000.000	27.000.000	100	100
-	Thu phí lệ phí khác	73.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000	100	89
2	Thu từ quỹ đất 5%, và HLCS	70.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	100	214
3	Thu khác NS	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	100	100

II	Các khoản thu phân chia tỷ lệ (%)	762.000.000	3.877.000.000	10.377.000.000	4.377.000.000	113	574
1	Tiền sử dụng đất	400.000.000	3.500.000.000	10.000.000.000	4.000.000.000	114	1000
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất 2024</i>	<i>400.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>114</i>	<i>1000</i>
2	Thuế thu nhập cá nhân	102.000.000	105.000.000	105.000.000	105.000.000	100	103
-	<i>Thu từ hộ cố định</i>	<i>102.000.000</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>	<i>100</i>	<i>103</i>
3	Thu khu vực ngoài quốc doanh	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000	100	100
-	<i>Thu hộ cá thể và HTX</i>	<i>210.000.000</i>	<i>210.000.000</i>	<i>210.000.000</i>	<i>210.000.000</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	100	120
5	Thuế sử dụng đất phi NN	0	2.000.000	2.000.000	2.000.000	100	
II	Thu bổ sung cân đối NS cấp trên	3.902.000.000	4.440.000.000	4.440.000.000	4.440.000.000	100	114
I	1	3.630.000.000	3.630.000.000	3.630.000.000	3.630.000.000	100	100
	<i>Thu bổ sung cân đối chi TX</i>	<i>3.630.000.000</i>	<i>3.630.000.000</i>	<i>3.630.000.000</i>	<i>3.630.000.000</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
	2	272.000.000	810.000.000	810.000.000	810.000.000	100	298
	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>272.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>810.000.000</i>	<i>100</i>	<i>298</i>
IV	Thu 10% cải cách tiền lương từ nguồn huy động tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024	102.000.000	103.000.000	103.000.000	103.000.000	100	101
B	Các khoản thu để lại	30.000.000			30.000.000	100	100

	đơn vị qua NS xã		30.000.000	30.000.000			
<i>1</i>	<i>Quỹ đền ơn đáp nghĩa</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	100	100

Phụ lục số 2: DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của HĐND xã)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024				So sánh DT huyện giao
		NS huyện giao	Dự toán NS xã trình HĐND xã	Trừ 10% cải cách tiền lương	Dự toán còn lại được chi năm 2023	
	Tổng chi ngân sách xã (A + B)	8.752.000.000	9.282.000.000	103.371.60 0	9.178.628.400	106
A	Chi cân đối qua ngân sách (I+II+III+IV)	8.752.000.000	9.252.000.000	103.371.60 0	9.148.628.400	106
I	Chi đầu tư phát triển	3.500.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	114
	Chi tiền sử dụng đất cho đầu tư xây dựng cơ bản (Chi tiết có phụ lục kèm theo)	3.500.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	114
II	Chi thường xuyên	5.099.000.000	5.099.000.000	103.371.60 0	4.995.628.400	400
1	Chi Quốc phòng - An ninh	571.000.000	571.000.000	11.000.000	560.000.000	100
a	Chi lĩnh vực Quốc phòng	235.896.000	235.896.000	7.000.000	228.896.000	100
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Chi phụ cấp theo Luật DQTV</i>	<i>165.896.000</i>	<i>165.896.000</i>		<i>165.896.000</i>	100
-	<i>Chi hoạt động QP</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>	<i>7.000.000</i>	<i>63.000.000</i>	100
b	Chi hoạt động công an	335.104.000	335.104.000	4.000.000	331.104.000	100

	Trong đó:					
-	<i>Chi phụ cấp theo pháp lệnh công an xã</i>	<i>172.800.000</i>	<i>172.800.000</i>		<i>172.800.000</i>	<i>100</i>
-	<i>Phụ cấp đội trưởng, đội phó đội dân phòng</i>	<i>122.304.000</i>	<i>122.304.000</i>		<i>122.304.000</i>	
-	<i>Chi hoạt động công an xã, trong đó: Chi hoạt động thường xuyên Công an xã (Gồm văn phòng phẩm, điện, nước, phô tô in ấn...) và hoạt động công an chính quy về công an xã</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>	<i>4.000.000</i>	<i>36.000.000</i>	<i>100</i>
2	Chi sự nghiệp văn xã	244.000.000	244.000.000	20.400.000	223.600.000	100
2.1	Sự nghiệp y tế	30.000.000	30.000.000	3.000.000	27.000.000	100
2.2	Sự nghiệp Văn hóa thông tin TDTT	136.000.000	136.000.000	9.600.000	126.400.000	
-	<i>Vận động toàn dân đoàn kết NTM văn minh</i>		<i>20.000.000</i>	<i>2.000.000</i>	<i>18.000.000</i>	
-	<i>Toàn dân đoàn kết XD ĐSVH khu dân cư</i>		<i>40.000.000</i>		<i>40.000.000</i>	
-	<i>Chi hoạt động văn hóa (Các ngày lễ lớn, hỗ trợ làng văn hóa)</i>		<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>27.000.000</i>	
-	<i>Sự nghiệp phát thanh</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>27.000.000</i>	
-	<i>Sự nghiệp TDTT</i>	<i>16.000.000</i>	<i>16.000.000</i>	<i>1.600.000</i>	<i>14.400.000</i>	
2.3	Đảm bảo xã hội	40.000.000	40.000.000	4.000.000	36.000.000	100
2.4	Đào tạo cán bộ	38.000.000	38.000.000	3.800.000	34.200.000	
3	Chi sự nghiệp kinh tế	70.000.000	70.000.000	7.000.000	63.000.000	100
4	Chi quản lý hành chính	4.189.000.000	4.189.000.000	62.471.600	4.126.528.400	100
4.1	Chi thường xuyên	552.000.000	832.316.000	62.471.600	769.844.400	151

4.1. 1	Chi kinh phí hoạt động TX của Đảng theo định mức		100.000.000	10.000.000	90.000.000	
4.1. 2	Chi kinh phí hoạt động TX của HDND theo định mức		38.000.000	3.800.000	34.200.000	
4.1. 3	Chi kinh phí hoạt động TX của UBND		205.716.000	20.571.600	185.144.400	
-	<i>Chi hoạt động Ban quản lý TTTM, công tác TT đô thị, trung tâm các xã</i>		<i>5.000.000</i>	<i>500.000</i>	<i>4.500.000</i>	
-	<i>Các hoạt động khối UB theo định mức</i>		<i>200.716.000</i>	<i>20.071.600</i>	<i>180.644.400</i>	
4.1. 4	Chi hỗ trợ các lễ lớn trong năm cho cán bộ cơ quan					
4.1. 5	Chi kinh phí hoạt động của các tổ chức CTXH (của 05 hội đoàn thể cấp xã)	75.000.000	92.000.000	8.200.000	83.800.000	
-	<i>Hoạt động khối mặt trận (Trong đó kinh phí đại hội hết nhiệm kỳ 5tr)</i>	<i>15.000.000</i>	<i>23.000.000</i>	<i>1.800.000</i>	<i>21.200.000</i>	
-	<i>Hoạt động Đoàn TN (Trong đó có kinh phí đại hội Hội LHTNVN 5tr)</i>	<i>15.000.000</i>	<i>21.000.000</i>	<i>1.600.000</i>	<i>19.400.000</i>	
-	<i>Hoạt động Hội Phụ nữ</i>	<i>15.000.000</i>	<i>16.000.000</i>	<i>1.600.000</i>	<i>14.400.000</i>	
-	<i>Hoạt động Hội Nông dân</i>	<i>15.000.000</i>	<i>16.000.000</i>	<i>1.600.000</i>	<i>14.400.000</i>	
-	<i>Hoạt động Hội CCB</i>	<i>15.000.000</i>	<i>16.000.000</i>	<i>1.600.000</i>	<i>14.400.000</i>	
4.1. 6	Chi hoạt động quản lý hành chính khác ngoài định mức		31.000.000	2.500.000	28.500.000	
-	<i>Hội tù yêu nước</i>		<i>1.000.000</i>		<i>1.000.000</i>	
-	<i>Hội thanh niên xung phong</i>		<i>2.000.000</i>		<i>2.000.000</i>	

-	Hội cao tuổi		2.000.000		2.000.000	
-	Hội chữ thập đỏ (Hỗ trợ hiến máu)		17.000.000	1.700.000	15.300.000	
-	Hội người mù		1.000.000		1.000.000	
-	Ban thanh tra nhân dân	5.000.000	5.000.000	500.000	4.500.000	100
-	Ban giám sát cộng đồng	3.000.000	3.000.000	300.000	2.700.000	100
4.1. 7	Chi hỗ trợ phụ cấp các trưởng đoàn thể cấp thôn và hoạt động các tổ chức chính trị thôn	191.600.000	191.600.000		191.600.000	
4.1. 8	Chi công tác hòa giải cấp cơ sở	18.000.000	18.000.000	1.800.000	16.200.000	100
4.1. 9	Chi hoạt động công vụ (Điện chiếu sáng ,nước, điện thoại....)		148.000.000	14.800.000	133.200.000	
4.2	Chi tiền lương và phụ cấp	3.336.000.000	3.356.684.000		3.356.684.000	101
4.2. 1	Quỹ lương phụ cấp QLHC		3.265.284.000	0	3.265.284.000	
-	Cán bộ công chức	0	2.332.200.000		2.332.200.000	
	+Lương phụ cấp		1.718.000.000		1.718.000.000	
	+Phụ cấp công vụ		350.200.000		350.200.000	
	+Phụ cấp cấp ủy		91.000.000		91.000.000	
	+Sinh hoạt phí đại biểu hội đồng nhân dân		160.000.000		160.000.000	
	+Phụ cấp trưởng ban, phó ban của HĐND		13.000.000		13.000.000	
-	Người hoạt động không chuyên trách		933.084.000		933.084.000	
4.2. 2	Các khoản phụ cấp khác	0	55.400.000		55.400.000	
	- BHXH người hoạt động không		35.000.000		35.000.000	

	<i>chuyên trách xã</i>					
	- Phụ cấp hành chính 1 cửa (Kể cả 6tr may đồng phục)		20.400.000		20.400.000	
4.2. 3	Chi hỗ trợ công tác phí cán bộ		36.000.000		36.000.000	
5	Chi khác	25.000.000	25.000.000	2.500.000	22.500.000	100
III	Chi dự phòng (Phân bổ 20tr Đại hội MT, 5tr đại hội LHTNVN, 2tr CCB)	153.000.000	153.000.000		153.000.000	100
B	Các khoản chi để lại qua quản lý NSX	0	30.000.000		30.000.000	
1	Chi quỹ đền ơn đáp nghĩa		30.000.000	-	30.000.000	